

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

TIẾNG ANH LỚP 3

Global Success · Kết nối tri thức · Bộ 1 · 35 phút nghe/đọc/viết · Nói riêng 3–5 phút

Unit 1–5: chào hỏi, tên, tuổi, bạn bè, bộ phận cơ thể và sở thích.

Họ và tên: Lớp:

Bộ ôn tập tự biên soạn, thang 10 điểm. Người lớn đọc mỗi lời nghe hai lần, nghỉ khoảng 5 giây; phần nói làm riêng 3–5 phút. Hướng dẫn tiếng Việt có thể đọc giúp học sinh.

I. LISTENING · Nghe

Câu 1 (0,5 điểm). How old is Tom?

- A. eight B. nine C. ten

Câu 2 (0,5 điểm). What is the name?

- A. Minh B. Mai C. Nam

Câu 3 (0,5 điểm). What do you touch?

- A. hair B. nose C. ears

Câu 4 (0,5 điểm). What is the hobby?

- A. singing B. cooking C. running

II. READING · Đọc

Câu 5 (0,5 điểm). How are you? — _____.

- A. Fine, thank you B. My name is An C. Goodbye

Câu 6 (0,5 điểm). I _____ drawing.

- A. likes B. like C. am

Read the text. Đọc đoạn văn để làm câu 7–9.

Hello. My name is Hoa. I'm eight years old. I like painting. This is my friend Ben. Ben is nine years old. This is Ms Nga. Ms Nga is my teacher.

Ngữ liệu mới do bộ đề biên soạn.

Câu 7 (0,5 điểm). Hoa is _____ years old.

A. seven

B. nine

C. eight

Câu 8 (0,5 điểm). Who is Hoa's teacher?

A. Ms Nga

B. Ben

C. Tom

Câu 9 (1 điểm). Read and answer.

a) What is Hoa's hobby?

b) How old is Ben?

III. WRITING · Viết

Câu 10 (1 điểm). Reorder the words. Sắp xếp thành câu:

a) is / My name / An.

b) like / I / dancing.

Câu 11 (2 điểm). Write about yourself. Viết 2–3 câu giới thiệu tên, tuổi và một sở thích của em.

IV. SPEAKING · Nói

Câu 12 (2 điểm). Talk to your teacher. Trả lời câu hỏi về tên, tuổi và sở thích của em.